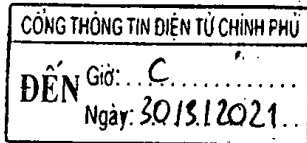


CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**NGHỊ ĐỊNH****Ban hành Quy chế quản lý tài chính
của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 09 tháng 6 năm 2000 và ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

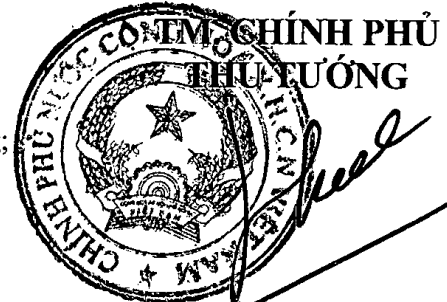
Điều 2. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2021, áp dụng từ năm tài chính 2021, thay thế Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ ban hành Quy chế tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực, Công ty mẹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP, đối với các nội dung Nghị định số 06/2015/NĐ-CP không có quy định thì thực hiện theo quy định pháp luật thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày Nghị định này có hiệu lực.

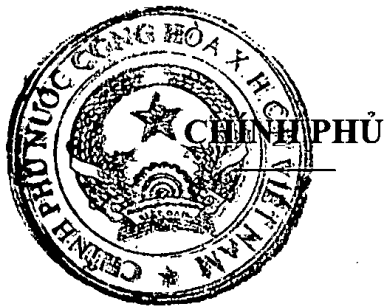
Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và PTĐN;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 413



Nguyễn Xuân Phúc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
(Kèm theo Nghị định số 36/2021/NĐ-CP
ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý tài chính đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; bao gồm việc quản lý vốn của Công ty mẹ đầu tư vào doanh nghiệp khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của pháp luật nơi doanh nghiệp được thành lập.
2. Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (bao gồm cả người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác) có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và Quy chế này. Đối với những vấn đề chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản của pháp luật có liên quan.
3. Căn cứ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, quy định của Chính phủ, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định tại Quy chế này; Công ty mẹ có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chế quản lý tài chính đối với công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam” là nhóm doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân (sau đây gọi tắt là Tập đoàn), bao gồm: Công ty mẹ; các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn; các doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn.
2. “Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” là doanh nghiệp cấp I trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 và được chuyển đổi thành

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là Công ty mẹ).

3. “Tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà” là phần lợi nhuận sau khi nộp các loại thuế được chia cho nước chủ nhà từ các hợp đồng dầu khí, không bao gồm lợi nhuận từ khí đồng hành được chuyển giao miễn phí cho nước chủ nhà.

4. “Tiền lãi dầu khí được chia của nhà thầu” là phần lợi nhuận sau thuế được chia cho nhà thầu từ các hợp đồng dầu khí.

5. “Chi phí thu hồi dầu khí” là các khoản chi phí mà Công ty mẹ được phép thu hồi tại các hợp đồng dầu khí để bù đắp chi phí sản xuất.

6. “Tiền hoa hồng chữ ký” là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà khi ký hợp đồng dầu, khí.

7. “Tiền hoa hồng phát hiện thương mại dầu, khí” là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà sau khi kết quả thăm lường cho thấy mỏ có giá trị thương mại và nhà thầu tuyên bố phát hiện thương mại.

8. “Tiền hoa hồng sản xuất” là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà tương ứng với từng mức sản lượng khai thác được quy định cụ thể tại Hợp đồng dầu khí.

9. “Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí” là khoản tiền nhà thầu phải trả cho Công ty mẹ để được đọc và sử dụng các tài liệu dầu khí có sẵn và tiền sử dụng tài liệu dầu khí mà Công ty mẹ thu được/được chia từ các hợp đồng địa chấn không độc quyền.

10. “Cam kết nghĩa vụ đào tạo” là khoản tiền cam kết của nhà thầu được quy định trong Hợp đồng dầu khí nhằm mục đích đào tạo cán bộ, công nhân viên dầu khí.

11. “Tiền đền bù không thực hiện các cam kết tối thiểu” là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà trong trường hợp nhà thầu chấm dứt hợp đồng dầu khí khi chưa thực hiện hết các cam kết tối thiểu quy định trong hợp đồng.

12. “Nước chủ nhà” là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

13. “Nhà thầu” là tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài được phép tiến hành hoạt động dầu khí trên cơ sở Hợp đồng dầu khí.

Chương II **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ**

Mục 1 **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY MẸ**

Điều 3. Vốn của Công ty mẹ

Vốn của Công ty mẹ bao gồm vốn nhà nước tại Công ty mẹ, vốn do Công ty mẹ tự huy động và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật. Công ty mẹ có trách nhiệm tổ chức hạch toán, theo dõi riêng từng nguồn vốn theo quy định hiện hành.

Điều 4. Vốn Điều lệ của Công ty mẹ

1. Vốn điều lệ của Công ty mẹ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và được ghi tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là Điều lệ của Công ty mẹ).

2. Trong quá trình kinh doanh, tùy theo yêu cầu phát triển từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty mẹ theo đề nghị của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Cơ quan đại diện chủ sở hữu), ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp đầu tư bổ sung vốn điều lệ với mức tương đương với mức vốn của dự án quan trọng quốc gia, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư bổ sung sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

Trình tự lập, phê duyệt hồ sơ và thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty mẹ thực hiện theo quy định hiện hành.

Khi điều chỉnh vốn điều lệ, Công ty mẹ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh.

3. Trường hợp Công ty mẹ không có nhu cầu bổ sung vốn điều lệ hoặc không lập phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định tại Điều 19 Quy chế này mà vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản) trên báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ lớn hơn mức vốn điều lệ đã được phê duyệt của năm trước liền kề, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm rà soát, quyết định và chỉ đạo việc Công ty mẹ thực hiện nộp phần chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ vào ngân sách nhà nước.